

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **113/2022/HS-PT**

Ngày 04 tháng 4 năm 2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quyên

*Các thẩm phán:*

Bà Vũ Thị Thu

Ông Dương Lê Bửu Thiện

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2022/TLPT-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo Phạm Tấn L do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 101/2021/HS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**Phạm Tấn L**, sinh năm 1994, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố 2, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở: số nhà 244, ấp Nam Hà, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: làm rẫy; Trình độ văn hóa: 10/12; con ông: Phạm Văn T, sinh năm: 1966 (còn sống) và bà Vũ Thị Tuyết H, sinh năm 1971 (còn sống); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại – Có mặt.

*Trong vụ án còn có bị cáo Phạm Quang T kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 02/8/2021, các bị cáo L, T và Hân là bạn bè với nhau, hẹn nhau tập trung vào vườn rẫy của bà Phan Thị L1, sinh năm 1974, cư trú ấp Bảo Thi, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai tại ấp Nam Hà, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai để sử dụng ma túy. Sau khi cả ba sử dụng ma túy xong, bị cáo L phát hiện 01 chiếc chìa khóa nằm dưới chòi bếp của ngôi nhà trong rẫy, bị cáo L dùng chìa khóa trên mở cửa phía sau nhà kho của ngôi nhà, phát hiện rẫy không có người trông coi nên các bị cáo L và T rủ Hân cùng nhau trộm cắp tài sản. Hân đứng bên ngoài canh giới, các bị cáo L và T đi vào nhà kho, lấy trộm 01 mô tô đã qua sử dụng đưa cho Hân đi tiêu thụ. Hân mượn xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen, không nhớ rõ biển số của T chở mô tô trộm cắp được bán cho Trần Thanh T, sinh năm 1980, cư trú ấp Nam Hà, xã X, huyện C được 300.000 đồng về đưa cho bị cáo T. Bị cáo T dùng số tiền Hân đưa đến khu vực “Đồi sọ” thuộc ấp Nam Hà, xã X gặp thanh niên tên “Tý” (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể), mua 200.000 đồng ma túy còn lại 100.000 đồng T mua nước và card điện thoại rồi quay lại vườn rẫy cùng nhau sử dụng hết số ma túy, sau đó cả ba đi về nhà.

Đến khoảng 12 giờ ngày 03/8/2021, bị cáo T rủ bị cáo L quay lại nhà kho trong vườn rẫy của bà L1, tiếp tục lấy trộm 01 mô tô không rõ nhãn hiệu, đính kèm đoạn dây điện màu đỏ, dài 02m và 01 đầu xịt thuốc màu đỏ, đã qua sử dụng. Sau đó, bị cáo L dùng xe mô tô của bị cáo T chở số tài sản cả hai lấy trộm bán cho Hoàng Thế T, sinh năm 1987, cư trú ấp Nam Hà, xã X, huyện C được 700.000 đồng. Số tiền này, các bị cáo chia nhau tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG ngày 12/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 mô tô bơm nước, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng trị giá 1.750.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG ngày 12/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 mô tô không rõ

nhãn hiệu, đã qua sử dụng, đính kèm 01 dây điện màu đỏ, dài 02m; 01 đầu xịt thuốc màu đỏ, đã qua sử dụng trị giá 2.012.500 đồng.

Vật chứng:

+ 01 mô tơ bơm nước, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng; 01 mô tơ không rõ nhãn hiệu, màu xanh, đã qua sử dụng, đính kèm 01 dây điện màu đỏ, dài 02m; 01 đầu xịt thuốc màu đỏ, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bị hại bà Phan Thị L1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà L1.

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen, không rõ biển số, Phạm Quang T khai mượn của 01 người bạn tên Cư (không rõ nhân thân lai lịch) để làm phương tiện đi lại. Sau khi sự việc xảy ra, Cư đã đến lấy xe, không rõ hiện Cư đang ở đâu nên không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại Phan Thị L1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

+ Anh Hoàng Thế T và Trần Thanh T không có yêu cầu gì.

Tại bản án số: 101/2021/HSST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Tấn L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày đi thi hành án

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt bị cáo Phạm Quang T 06 (Sáu) tháng tù, tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021 bị cáo Phạm Tấn L làm đơn kháng cáo xin hưởng án treo, tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo.

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:***

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Tấn L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 06 (sáu) tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, bị cáo nêu các tình tiết giảm nhẹ mới là lao động chính trong gia đình, gia đình có hoàn

cảnh khó khăn nhưng do mức án cấp sơ thẩm xét xử là đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Tấn L làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Tấn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm đã nêu thể hiện: Khoảng 11 giờ ngày 02/8/2021, Phạm Tấn L, Phạm Quang T và Vũ Duy Hân có hành vi lén lút vào nhà kho của bà Phan Thị L1 trộm cắp 01 mô tơ đã qua sử dụng trị giá 1.750.000 đồng. Đến khoảng 12 giờ ngày 03/8/2021, các bị cáo L và T tiếp tục đến nhà kho của bà L1 lấy trộm 01 mô tơ không rõ nhãn hiệu, dính kèm đoạn dây điện màu đỏ, dài 02m và 01 đầu xịt thuốc màu đỏ, đã qua sử dụng trị giá là 2.012.500 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Tấn L phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo tội danh trên là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy:

Cấp sơ thẩm đã xác định trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa, người bị hại bà Phan Thị L1 đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, từ đó xử phạt bị cáo 06 (sáu) tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo cung cấp cho hội đồng xét xử 01 đơn có xác nhận của địa phương thể hiện: Bản thân là lao động duy nhất trong gia đình, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đây là tình tiết mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, trong thời gian được tại ngoại bị cáo chấp hành tốt chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước, lại có

công việc làm ổn định, có nơi cư trú ổn định, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Thiết nghĩ, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú quản lý, giám sát giáo dục là cũng đủ nghiêm, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đồng thời xem xét chuyển sang hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách buộc bị cáo phải chấp hành.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm số 101/2021/HSST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

2. Xử phạt bị cáo: Phạm Tấn L 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Tấn L cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Bị cáo bị xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân huyện C (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Công an huyện C;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.
- Bị cáo; UBND xã X.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Quyên**